# TRƯỜNG THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG

# MÔN: NGỮ VĂN- KHỐI 9

# Tuần 16: từ ngày 20/12 đến ngày 25/12/2021

**CỐ HƯƠNG**

 (Khuyến khích học sinh tự đọc)

Link: <https://www.youtube.com/watch?v=0KzGR7GLXdA>

**\* NỘI DUNG: *(Học sinh ghi phần này vào tập)***

**I. TÌM HIỂU CHUNG:**

***1. Tác giả***: SGK/ 207

***2. Tác phẩm:***

 ***a. Hoàn cảnh sáng tác:*** Cố hương là một trong những truyện ngắn tiêu biểu nhất của tập Gào thét (1923)

 ***b. Thể loại:*** truyện ngắn

**3. *Bố cục*:** Chia làm 3 phần

- Phần 1: Từ đầu .....tôi đang làm ăn, sinh sống: Hành trình trở về quê hương của nhân vật “tôi.

 - Phần 2: Tiếp...sạch trơn như quét: Hình ảnh quê hương và con người trong quá khứ và thực tại của nhân vật.

 - Phần 3: Còn lại: Những suy nghĩ của nhân vật tôi trên đường ra đi.

**II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN:**

**1. Hành trình trở về quê hương của nhân vật “tôi”:**

+ Tâm trạng:

- Buồn.

- Ngạc nhiên, không tin vào lòng mình.

- Thất vọng, hụt hẫng vè làng xóm tiêu điều, hoang vắng.

**🡪 *Sử dụng nghệ thuật kể kết hợp tả, biểu cảm so sánh,…***

**🡪 *Môt nỗi xót xa đau đớn đến cháy lòng trước sự hoang tàn của quê hương.***

**2. Hình ảnh quê hương và con người trong quá khứ và thực tại của nhân vật:**

**a. Cảnh vật:**

+ Sáng tinh mơ

**-** Trên mái ngói mấy cọng rơm khô phất phơ.

**-** Các gia đình đã dọn đi nhiều, càng trở lên hui quạnh.

**🡪 *Cảnh hoang vắng, hui quạnh gợi cảm giác buồn.***

**b. Con người:**

- Nhân vật Nhuận Thổ

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhuận Thổ lúc nhỏ** | **Hiện tại** |
| - Khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật, cổ đeo vàng bạc.- Đội mũ lông chiên bé tí.- Tay hồng hào, mập mạp.- Biết nhiều chuyện.\* Là cậu bé nông dân khỏe mạnh, lanh lợi tháo vát, hiểu biết nhiều. | - Cao gấp đôi trước, da vàng sạm mi mắt viền đỏ húp lên.- Đội mũ lông chiên rách bươm.- Tay nứt nẻ như vỏ cây thông.- Nói năng như bị thiểu năng, thiếu cung kính.\* Người nông dân già nua, nghèo khổ, mụ mị, đần độn, cam chịu số phận. |

**🡪 Nghệ thuật tả thực, so sánh đối với quá khứ và hiện tại.**

- Nhân vật thím Hai Dương

|  |  |
| --- | --- |
| **Trước kia** | **Bây giờ** |
| - Nàng Tây Thi đậu phụ – Lưỡng quyên không cao.- Môi không mỏng, chị là người phụ nữ khá xinh đẹp | - Người đàn bà trên dưới 50 tuổi – lưỡng quyền nhô ra.- Môi mỏng dính, chân nhỏ xíu giống chân compa. |

**-** Hình hài: Xấu xí, tiều tụy.

**-** Tính cách: Đanh đá,chua ngoa, đơm đặt, tham lam, ích kỉ.

**🡪 Nhân cách con người cũng thay đổi.**

**🡪 Sự sa sút, điêu tàn của quê hương, nghèo đói, lạc hậu.**

**3.** **Những suy nghĩ của nhân vật tôi trên đường ra đi:**

**-** Con thuyền, cảnh vật xa dần 🡪 không chút lưu luyến.

**-** Hi vọng và tin tưởng vào tương lai ,mơ ước cuộc đời đổi mới tốt đẹp hơn.

**🡪 Tâm trạng ưu tư bởi sự thay đổi của cảnh vật và con người quê hương.Đó là sự thất vọng về một xã hội phong kiến suy tàn là nguyên nhân khiến cho cảnh vật và con người thay đổi.**

**III. TỔNG KẾT:** ***Ghi nhớ:*** SGK/219

**NHỮNG ĐỨA TRẺ**

 (Khuyến khích học sinh tự đọc)

**\* NỘI DUNG: *(Học sinh ghi phần này vào tập)***

**I. TÌM HIỂU CHUNG:**

***1. Tác giả***: SGK/132

***2. Tác phẩm:***

**-** “Thời thơ ấu” gồm 13 chương sáng tác 1913 – 1914.

**-** Đoạn trích ”Những đứa trẻ”trích trong chương 9 của tác phẩm.

**-**Thể loại: Tiểu thuyết tự thuật.

**-** Bố cục.

Phần 1: (Từ đầu 🡪“ ấn em nó cúi xuống”): *Tình bạn tuổi ấu thơ hồn nhiên, trong sáng.*

Phần 2: (“Trời đã bắt đầu tối”🡪“Cấm không được đến nhà tao”): *Tình bạn bị cấm đoán.*

Phần 3: (phần còn lại): *Tình bạn vẫn tiếp tục.*

**II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN:**

***1/ Hoàn cảnh của A-li- ô -sa và những đứa trẻ***

**-** Hai gia đình thuộc hai thành phần xã hội khác nhau.

**-**  A-li-ô-sa từng góp sức cứu đứa nhỏ khi nó bị rơi xuống giếng.

**-** A-li-ô-sa mất bố sớm, mẹ đi lấy chồng khác, lại thường bị ông ngoại đánh đòn, chỉ có bà ngoại hiền hậu thương yêu.

**-** Ba đứa trẻ giàu có: Mẹ chết, sống với dì ghẻ, bị bố cấm đoán, đánh đòn…

🡪 *Hoàn cảnh sống thiếu tình thương.*

***2. Những quan sát và nhận xét tinh tế của A-li-ô sa***

**-** Trước khi quen thân: A-li-ô-sa chưa hiểu gì về chúng, chỉ phân biệt được qua tầm vóc.

**-** Khi đã quen thân: Nghe ba đứa kể chuyện và thấy “*Chúng ngồi sát vào nhau như những chú gà con*”.

**-** Khi chứng kiến cảnh ba đứa trẻ bị bố mắng:A-li-ô-sa liên tưởng chúng giống như những con ngỗng ngoan ngoãn

🡪 *A-li-ô-sa tỏ sự thông cảm với cuộc sống thiếu tình thương của các bạn nhỏ.*

***3. Chuyện đời thường và truyện cổ tích***

\* Chuyện đời thường và truyện cổ tích lồng ghép vào nhau :

**-** Dì ghẻ (“mẹ khác”): Khi nghe mấy đứa trẻ hàng xóm nhắc đến chuyện dì ghẻ, A-li-ô-sa liên tưởng đến nhân vật mụ dì ghẻ độc ác trong các câu chuyện cổ tích.

**-** Người “mẹ thật”(đã chết) của mấy đứa trẻ.

**-** Hình ảnh người bà nhân hậu.

**-** Mấy đứa trẻ không có tên,

**-** Thời gian: trước kia, ngày trước, đã có thời,…

🡪 *Câu chuyện càng trở nên khái quát và càng tô đậm thêm màu sắc cổ tích*

**III. TỔNG KẾT:**

1. ***Nghệ thuật***:

**-** Đối thoại ngắn gọn, sinh động, phù hợp với tâm lý nhân vật.

**-** Chuyện đời thường và truyện cổ tích lồng vào nhau.

**-** Kết hợp phương thức miêu tả, tự sự, biểu cảm

***2. Nội dung:***

Văn bản thể hiện tình bạn tuổi thơ trong sáng cao đẹp; sự khao khát tình cảm của những đứa trẻ.

**CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG PHẦN TIẾNG VIỆT**

Link: <https://www.youtube.com/watch?v=HE9Tngje004>

**\* NỘI DUNG: *(Học sinh ghi phần này vào tập)***

**I.Lý thuyết**

Khái niệm từ địa phương:

Khác với từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương là từ ngữ chỉ sử dụng ở một (hoặc một số) địa phương

nhất định.

**II.Bài tập**

**1.Bài tập 1** (SKG 97 -98)

Tìm từ ngữ địa phương, chuyển những từ ngữ điạ phương đó sang từ ngừ toàn dân tương ứng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đoạn trích** | **Từ địa phương** | **Từ toàn dân** |
| **a** | - thẹo- lặp bặp- ba | - sẹo- lắp bắp- bố, cha |
| **b** | -ba-má-kêu-đâm-đũa bếp-(nói) trổng- vô | -bố, cha-mẹ-gọi-trở thành-đũa cả-(nói) trống không-vào |
| **c** | -ba-lui cui-nắp-nhắm-giùm-(nói) trổng | -bố, cha-lúi húi-vung-cho là-giúp- (nói ) trống |

**Bài tập 2 (SGK-175)**

- Có những từ ngữ địa phương như ở phần (1a): có ở địa phương này nhưng không có ở điạ phương khác.

-> Cho thấy Việt Nam là đất nước có sự khác biệt giữa các vùng miền về điều kiện tự nhiên, đặc điểm tâm lí, phong tục tập quán…Tuy nhiên sự khác biệt không quá lớn, bằng chứng là từ ngữ thuộc nhóm này không nhiều.

**Bài tập 3 (SGK- 175)**

- Trong 2 bảng mẫu ở mục b, c: những từ ngữ: cá quả, lợn, ngã và cách hiểu (bị bệnh) được coi là thuộc về ngôn ngữ toàn dân.

-> Phương ngữ được lấy làm chuẩn của Tiếng Việt (từ toàn dân) là phương ngữ Bắc Bộ.

\* Lưu ý: Trong phương ngữ Bắc Bộ cũng có phương ngữ nhiều vùng miền, phần lớn ngôn ngữ thế giới đều lấy phương ngữ có tiếng thủ đô làm chuẩn cho ngôn ngữ toàn dân.

**Bài tập 4 (SGK- 176)**

- Những từ ngữ địa phương trong đoạn trích: chi, rứa, nờ, cớ răng, ưng, mụ (thuộc phương ngữ Trung) được dùng phổ biến ở Quảng Bình, Quảng Trị, Thanh Hoá, Thừa Thiên Huế.

-> Tác dụng: góp phần thể hiện

chân thực hình ảnh của 1 vùng quê và tình cảm suy nghĩ tính cách của người mẹ trên vùng quê ấy, làm tăng sự sống động, gợi cảm của tác phẩm.

- “Mẹ Suốt” là bài thơ của Tố Hữu viết về bà mẹ Quảng Bình anh hùng -> Dùng từ ngữ địa phương góp phần thể hiện chân thực hình ảnh bà mẹ cụ thể ở 1 vùng quê -> làm tăng sức sống động, gợi cảm cho bài thơ.

- Một số tác phẩm: Đi đi em, Bầm ơi, Bà Bủ, ...

**LUYỆN TẬP TIẾNG VIỆT**

**\* NỘI DUNG: *(Học sinh ghi phần này vào tập)***

| **Phép tu từ** | **Khái niệm** | **Đặc điểm / cấu tạo /****tác dụng** | **Phân loại** | **Ví dụ** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **So sánh** | Là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. | Có hai kiểu so sánh:- So sánh ngang bằng- So sánh không ngang bằng | - Mặt trời đỏ như hòn than lửa- Công cha như núi Thái Sơn |
| **2** | **Nhân hóa** | Là gọi tả con vật, cây cối, đồ vật … bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi tả con người; làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật,… trở nên gần gũi với con người; biểu thị được những suy nghĩ, tình cảm của con người. | Có ba kiểu nhân hóa:- Dùng từ ngữ vốn gọi con người để gọi vật- Dùng từ ngữ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của vật- Trò chuyện, xưng hô với vật như với người. | - Chị ong nâu, ông mặt trời, bác gà trống, nàng gió,… |
| **3** | **Ẩn dụ** | Là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. | Bốn kiểu ẩn dụ:- Ẩn dụ hình thức- Ẩn dụ cách thức- Ẩn dụ phẩm chất- Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác | “Người cha mái tóc bạc / đốt lửa cho anh nằm” |
| **4** | **Hoán dụ** | Là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm bằng tên gọi của một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. | Bốn kiểu hoán dụ thường gặp:- Lấy bộ phận để gọi toàn thể- Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng- Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật- Lấy cái cụ thể để gọi cái trìu tượng | “Bàn tay ta làm nên tất cả/Có sức người sỏi đá cũng thành cơm” |
| **5** | **Điệp ngữ** | Là lặp đi, lặp lại từ ngữ hoặc cả một câu để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh | Điệp ngữ có nhiều dạng:- Điệp ngữ cách quãng- Điệp ngữ nối tiếp- Điệp ngữ vòng (ĐN chuyển tiếp) | “Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín” |
| **6** | **Liệt kê** | Là sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại để diễn tả được đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế hay của tư tưởng, tình cảm. | \* Theo cấu tạo có hai kiểu liệt kê:- Liệt kê theo từng cặp- Liệt kê không theo từng cặp\* Theo ý nghĩa có hai kiểu liệt kê:- Liệt kê tăng tiến- Liệt kê không tăng tiến | - “cúc, mai, lan, ly, hồng,… mỗi loài một hương, mỗi loài một sắc” |
| **7** | **Chơi chữ** | Là cách lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước,… làm câu văn hấp dẫn và thú vị. | Các lối chơi chữ thường gặp:- Dùng từ ngữ đồng âm- Dùng lối nói trại âm (gần âm)- Dùng cách điệp âm- Dùng lối nói lái- Dùng từ trái nghĩa, đồng nghĩa, gần nghĩa | “Bà già đi chợ cầu đông / Xem một quẻ bói lấy chồng lợi chăng / Thầy bói gieo quẻ nói rằng: / Lợi thì có lợi nhưng răng không còn” |
| **8** | **Nói quá** | Là biệp pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm. |  | “Dân công đỏ đuốc từng đoàn./Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay” |
| **9** | **Nói giảm, nói tránh** | Là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự. |  | -“Bác đã đi rồi sao Bác ơi!” |

**ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN**

**1.Tập làm văn trong NV9 cung cấp ND lớn như sau:**

a.VB thuyết minh với trọng tâm là luyện tập việc kết hợp giữa thuyết minh với các biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả.

b.Văn bản tự sự với hai trọng tâm:

- Tự sự với biểu cảm và miêu tả nội tâm, giữa tự sự với lập luận.

- Một số ND mới trong VB tự sự như đối thoại và độc thoại nội tâm trong tự sự; người kể chuyện và vai trò của người kể chuyện trong tự sự.

**2.**

- Thuyết minh + miêu tả: để hình dung ra sự vật

- Thuyết minh + giải thích: làm rõ sự vật cần giới thiệu

=> Nếu thiếu hai yếu tố thì bài thuyết minh sẽ khô khan và thiếu sinh động.

**3.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Miêu tả** | **Thuyết minh** |
| - Đối tượng của miêu tả thường là các sự vật, con người, hoàn cảnh cụ thể. - Có hư cấu tưởng tượng, không nhất thiết phải trung thành với sự vật.- Dùng nhiều so sánh, liên tưởng. - Bảo đảm tính khách quan, khoa học.- Ít dùng số liệu cụ thể, chi tiết.- Dùng nhiều trong sáng tác văn chương nghệ thuật. - Ít tính khuôn mẫu. - Đa nghĩa.   | ***-*** Đối tượng của thuyết minh thường là các loại sự vật, đồ vật…- Trung thành với đặc điểm của đối tượngsự vật.- Ít dùng tưởng tượng, so sánh.- Mang nhiều cảm chủ quan của người viết.- Dùng nhiều số liệu, cụ thể, chi tiết.- Ứng dụng trong nhiều tình huống cuộc sống, văn hóa, khoa học. -Thường theo một số yêu cầu giống nhau (mẫu). - Đơn nghĩa.  |

**4. \* Đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm:**

 - Đoạn trích “Làng”.

 -“Thực sự mẹ không lo lắng…”

**\* Đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận:**

“ Vua Quang Trung cưỡi voi ra doanh yên ủi quân lính, truyền cho tất cả đều ngồi mà nghe lệnh, rồi dụ họ rằng:

- Quân Thanh sang xâm lấn nước ta…bảo là ta không nói trước!”

(Ngô Gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí trong NV9, tập một)

**\* Đoạn văn tự sự sử dụng cả miêu tả nội tâm và nghị luận:**

“ Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy,…cuộc đời này quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn…” (Nam Cao, Lão Hạc, trong NV8, tập I)

**\* DẶN DÒ:**

- **Ghi và làm bài vào tập**.

- **Chuẩn bị bài**: ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN (TIẾP THEO).

**\* Mọi ý kiến thắc mắc cần giải đáp các em có thể trao đổi trực tiếp với giáo viên trong giờ học online qua google meet, trường hợp đặc biệt có thể liên hệ giáo viên:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giáo viên** | **Lớp dạy** | **Zalo** | **Email** |
| Nguyễn Thị Thanh Bình | 9/4, 9/10 | 0812711008 | binhttv2015@gmail.com |
| Lê Ngọc Xuân Khánh | 9/1, 9/8, 9/13 | 0907375712 | lekhanhmon@gmail.com |
| Trần Thị Yến Phi | 9/9, 9/11 | 0395193948 | yenphitran4696@gmail.com |
| Huỳnh Ngọc Bích Phượng | 9/2, 9/12 | 0909578849 | phuong19091975@gmail.com |
| Hoàng Thị Ánh Phượng | 9/5, 9/6 | 0779922651 | anhphuong0306@gmail.com |
| Mai Thị Yến Nga | 9/3, 9/7 | 0344373456 | maithiyennga98@gmail.com  |